

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM NGOẠI HÌNH , KHẢ NĂNG SẢN XUẤT CỦA GÀ NHIỀU NGÓN NUÔI TẠI RỪNG QUỐC GIA XUÂN SƠN, HUYỆN TÂN SƠN, TỈNH PHÚ THỌ

**Nguyễn Hoàng Thịnh, Phạm Kim Đăng, Vũ Thị Thuý Hằng,
Hoàng Anh Tuấn, Bùi Hữu Đoàn***

Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Email : bhdoan@vnua.edu.vn*

Ngày gửi bài: 26.10.2015

Ngày chấp nhận: 14.01.2016

TÓM TẮT

Gà nhiều ngón là một giống gà mang nguồn gen hiếm, tài nguyên sinh học quý, gắn liền với sinh kế và văn hoá của đồng bào nhiều dân tộc thuộc khu vực rừng quốc gia Xuân Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ. Nghiên cứu được tiến hành trên tổng số 60 hộ có nuôi gà nhiều ngón ở hai xã Xuân Sơn và Xuân Đài. 200 gà trưởng thành được khảo sát để mô tả các đặc điểm ngoại hình của giống. Khả năng sinh sản được đánh giá thông qua phân tích số liệu (bằng cách đặt sổ theo dõi tại hộ) và thu thập thông tin liên quan đến khả năng sinh sản của 50 gà mái. Đàn gà thịt (60 con/đàn, 30 trống và 30 mái) được nuôi đến 12 tuần để theo dõi khả năng sản xuất thịt. Kết quả nghiên cứu cho thấy, giống gà nhiều ngón có đặc điểm ngoại hình đặc biệt, hầu hết gà trống có 6-8 ngón (99%); số con có 5 hoặc 9 ngón là rất hiếm (0,5-1,0%). Khoảng 80% gà mái có 5-7 ngón; 10% có 8 ngón và không gà mái nào 9 ngón. Hầu hết (95%) gà trống có màu lông nâu đỏ trong khi gà mái có rất nhiều màu lông khác nhau: màu vàng nâu, màu vàng sẫm (56%); màu xám (20%) và màu khác. Gà mái thành thực sinh dục ở 28 tuần tuổi khi khối lượng cơ thể đạt 1,25 kg. Mỗi năm, gà mái đẻ $6,3 \pm 0,5$ lứa, mỗi lứa trung bình 12 trứng, tính ra sản lượng trứng trung bình là 76 quả/mái/năm. Khối lượng trứng trung bình khoảng 40g. Gà broiler nuôi 12 tuần tuổi nặng 1,1 kg. Tỷ lệ thân thịt, thịt đùi và thịt lườn tương ứng là 68%; 18%; và 17%. Chất lượng thịt thơm, ngon, giá bán cao hơn từ 2,5-3 lần so với các giống gà khác.

Từ khóa: Đặc điểm ngoại hình, gà nhiều ngón, gà bản địa.

Phenotypical Characteristics and Productive Performance of Multi-Toes Chicken Raised in The National Park of Xuan Son, Tan Son District, Phu Tho Province

ABSTRACT

The multi-toes chicken breed is a precious genetic resource associated with livelihood and culture of several ethnic minorities in the National Park of Xuan Son, Tan Son District, Phu Tho Province. This study was conducted on 60 households raising these chickens in two communes of Xuan Son and Xuan Dai. A sample of 200 adult chickens was phenotypically characterized based on the feather colors, the comb shape and toes. The multi-toes broilers (60 chickens/herd, 30 males and 30 females) were fed for a 12-week period to evaluate growth performance and ten were used for carcass quality assessment. The result shows that the multi-toes chickens possessed unique phenotype, most of them had 6 to 8 toes (99%), chickens with 5 or 9 toes were rare (0.5% to 1%). 80% of hens had 5 to 7 toes and 9.84% had 8 toes. No hens with 9 toes were observed. Plumage colors of the roosters are mainly brown-red (95%). The predominant plumage colors in hens were yellow (56%) and grey (20%). Hens of this breed reached sexual maturity at about 28 weeks of age with 1.25 kg body weight. Each hens laid averagely 12.06 eggs/brood with 6.3 broods/year and 75.98 eggs/hen/year, with the average egg weight of 39.70 g. The weight of 12 week-old broiler was 1142g. The carcass yield was 68%, while thigh meat and breast meat accounted for 18% and 17%, respectively. The meat quality is excellent, very sweet taste and delicious and the selling price is 2.5-3.0 times more expensive than that of other chicken breeds.

Keywords: Morphology characteristics, multi-toes chicken.

1. MỞ ĐẦU

Ngành chăn nuôi ở khu vực miền núi nước ta vẫn tồn tại quy mô nhỏ với các sản phẩm địa phương đặc trưng, có chất lượng cao và là nguồn thu nhập quan trọng của cộng đồng các dân tộc thiểu số. Chăn nuôi gia cầm đóng góp cho tổng thu nhập của các hộ nông dân khoảng 50% (Maltsoğlu & Rapsomanikis, 2005; Burgos et al., 2008). Chăn nuôi gà bản địa hiện nay đang được các nhà quản lý quan tâm bởi khả năng thích nghi cao, phù hợp với tập quán, văn hóa và phương thức chăn nuôi; hơn nữa, chất lượng thịt gà cao, quý hiếm nên chúng có giá cao, ít biến động và rất phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng có thu nhập cao. Ngoài ra, chăn nuôi gà bản địa còn có ý nghĩa bảo vệ sự đa dạng sinh học và đa dạng di truyền, giúp cho ngành chăn nuôi của Việt Nam phát triển bền vững. Giống gà nhiều ngón là một giống gà quý hiếm có từ lâu đời, gắn liền với sinh kế và văn hoá của đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Phú Thọ, giống gà này tuy có năng suất thấp nhưng chúng có nhiều đặc điểm di truyền tốt như có thể chịu được điều kiện nuôi kham khổ, khả năng chống chịu dịch bệnh tốt, trứng và thịt có chất lượng thơm ngon.

Để có cơ sở khuyến cáo và định hướng phát triển chăn nuôi gà bản địa nói chung và gà nhiều ngón nói riêng, việc đánh giá các đặc điểm ngoại hình, tính năng sản xuất và vai trò của giống gà nhiều ngón quý hiếm này đối với người dân miền núi Phú Thọ (dân tộc Dao) thuộc khu vực Rừng quốc gia Xuân Sơn là rất cần thiết. Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng, phương thức chăn nuôi và một số đặc tính sinh học, khả năng sản xuất của giống nhiều ngón trong điều kiện chăn nuôi nông hộ tại các cộng đồng dân tộc thiểu số trên địa bàn.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện trên 60 hộ người Dao được lựa chọn dựa trên tiêu chí có nuôi gà nhiều ngón thuộc 2 xã Xuân Sơn và Xuân Đài (30 hộ/xã), rừng quốc gia Xuân Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ từ tháng 10/2013 đến tháng 6/2014.

Thực trạng chăn nuôi gà và một số đặc điểm liên quan đến sự phân bố, nuôi dưỡng cũng đã được đánh giá thông qua phiếu điều tra trực tiếp và gián tiếp trên các hộ chăn nuôi ở 2 xã nói trên. Đặc điểm ngoại hình được thực hiện thông qua quan sát trực tiếp, mô tả hình thái và chụp ảnh 200 cá thể trưởng thành.

Khả năng sinh sản và sức sản xuất của gà nhiều ngón nuôi theo phương thức thả tại địa phương được đánh giá thông qua phân tích số liệu (bằng cách đặt sổ theo dõi tại hộ) và thu thập thông tin liên quan đến khả năng sinh sản của 50 gà mái. Các chỉ tiêu theo dõi gồm tuổi đẻ quả trứng đầu (ngày), số trứng đẻ bình quân/lứa và sản lượng trứng/mái/năm. Tỷ lệ trứng có phôi; tỉ lệ nở/trứng ấp và tỉ lệ nở/trứng có phôi (%) được xác định khi theo dõi 50 ổ trứng được gà mái ấp bằng phương pháp tự nhiên.

Xác định khả năng sản xuất thịt của gà nhiều ngón bằng việc nuôi thí nghiệm đàn gà thịt trong nông hộ với 60 con (30 trống và 30 mái) từ 0-16 tuần tuổi theo phương thức thả, lặp lại 3 lần với các điều kiện tương tự nhau. Gà được cân hàng tuần vào một ngày nhất định, trước khi cho ăn để đánh giá tăng trọng của đàn gà qua các tuần tuổi. Chế độ nuôi dưỡng được thực hiện theo TCVN 2265-2007 với các nguyên liệu có sẵn tại địa phương như ngô, thóc, đậu tương và premix. Giai đoạn từ 0 đến 3 tuần tuổi gà được nuôi nhốt và cho ăn tự do. Giai đoạn từ 4 đến 12 tuần tuổi gà được nuôi thả và cho ăn theo nhu cầu 2 bữa/ngày. Mổ khảo sát đánh giá chất lượng thân thịt gà khi 16 tuần tuổi được tiến hành theo WPSA (1984).

Số liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm Minitab 14.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Số lượng, quy mô chăn nuôi, cơ cấu tuổi gà trống và mái sinh sản

Kết quả điều tra cho thấy, hiện nay gà nhiều ngón được nuôi nhiều nhất ở xã Kim Thượng 4.150 con, xã Xuân Đài 3.790 con và xã Xuân Sơn 3.120 con (Bảng 1). Kết quả của chúng tôi phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Khắc Khôi

Một số đặc điểm ngoại hình, khả năng sản xuất của gà nhiều ngón nuôi tại rừng quốc gia Xuân Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ

Bảng 1. Phân bố đàn gà nhiều ngón tại huyện Tân Sơn (Đơn vị tính: con)

Tên xã	Số gia cầm	Số gà	Gà nhiều ngón
Thu Cúc	44.600	38.380	924
Thạch Kiệt	20.990	16.426	1.950
Thu Ngạc	25.940	22.380	450
Kiệt Sơn	26.800	23.500	1.920
Đồng Sơn	12.400	10.560	2.170
Lai Đồng	18.200	16.120	1.503
Tân Phú	22.400	19.200	590
Mỹ Thuận	47.000	43.800	1.120
Tân Sơn	21.000	18.616	2.650
Xuân Đài	35.000	33.200	3.790
Minh Đài	35.600	28.690	2.320
Văn Lương	63.900	57.840	1.200
Xuân Sơn	3800	3520	3.120
Long Cốc	29.900	25.340	490
Tam Thanh	23.240	20.870	350
Kim Thượng	53.400	49.800	4.150
Vĩnh Tiên	10.500	780	180
Tổng cộng	494.670	429.022	28.877

Nguồn: Phòng Nông nghiệp huyện Tân Sơn

Bảng 2. Cơ cấu phân bố đàn gà tại địa bàn điều tra (Đơn vị tính: %)

Giống gà	Xã Xuân Sơn	Xã Xuân Đài	TB
Gà nhiều ngón	17,95	14,85	16,40
Gà Ri	69,14	66,85	68,00
Gà khác	12,91	18,30	15,60
Tổng	100	100	100

(2006) cho biết gà nhiều ngón ở vùng núi cao phía Tây của tỉnh Phú Thọ từ rất xa xưa, chủ yếu ở các xã Xuân Sơn, Xuân Đài, Kim Thượng thuộc huyện Tân Sơn. Su et al. (2004) cũng đã chỉ ra Phú Thọ là quê hương của giống gà nhiều ngón.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, tại huyện Tân Sơn, giống gà Ri được nuôi với tỷ lệ cao nhất, tương ứng là 69,14% và 66,85% ở 2 xã Xuân Sơn và Xuân Đài. Trong đó, tỷ lệ hai xã lần lượt là 17,95% và 14,85%. Điều đó chứng tỏ gà nhiều ngón rất quý, có từ lâu đời nhưng ít được chú ý đầu tư chăn nuôi, chăm sóc nuôi dưỡng, do đó nguy cơ pha tạp và giảm dần về số

lượng, hiện chúng chỉ được chăn nuôi như các giống gà thả đồi khác.

Kết quả điều tra cho thấy, số hộ chăn nuôi với quy mô dưới 10 con chiếm 6,67% ở xã Xuân Sơn và 16,67% ở xã Xuân Đài; số hộ nuôi trên 50 con cũng chỉ chiếm 6,66% ở Xuân Sơn và không có hộ nào ở Xuân Đài. Nhìn chung, các hộ chăn nuôi tại huyện Tân Sơn nuôi gà theo hình thức phân tán, nhỏ lẻ, quảng canh, tận dụng với quy mô phổ biến từ 11-25 con/hộ (Bảng 3).

Kết quả điều tra cho thấy, đàn gà sinh sản trên địa bàn có độ tuổi tương đối cao. Tỷ lệ gà sinh sản từ 2-3 năm tuổi chiếm tới 30,9%. Đặc biệt, có tới 6,57% hộ nuôi gà đẻ trên 4 năm tuổi.

Bảng 3. Quy mô đàn nhiều ngón tại các nông hộ trên địa bàn điều tra (đvt:%)

Quy mô (con/hộ)	Xã Xuân Sơn	Xã Xuân Đài	TB
Dưới 10	6,67 ± 0,16	16,67 ± 0,94	11,11 ± 0,98
11-25	66,67 ± 3,36	70,00 ± 3,61	68,52 ± 4,08
26-50	20,00 ± 1,68	13,33 ± 1,31	16,67 ± 1,21
Trên 50	6,66 ± 0,29	0	3,70 ± 0,48

Bảng 4. Phương thức chăn nuôi gà trong nông hộ tại Huyện Tân Sơn (đvt: %, n = 20)

Phương thức cung cấp TĂ	Xã Xuân Sơn		Xã Xuân Đài	
	Thời kỳ theo mẹ	Trưởng thành	Thời kỳ theo mẹ	Trưởng thành
Cho ăn thêm	100	30	100	25
Tự kiếm ăn	0	70	0	75
Tổng	100	100	100	100

Kết quả này tương tự như công bố của Moula et al. (2011) khi nghiên cứu trên đàn gà Ri rằng gà sinh sản được giữ lại từ 3-5 năm để đẻ. Thực tế cho thấy người dân trong vùng đã tự chọn lọc những cá thể có ngoại hình đẹp, khả năng sinh sản tốt để giữ lại và coi đó là giống gốc, nuôi tương đối lâu dài.

Ở huyện Tân Sơn có 98,34% hộ nuôi gà theo hình thức chăn thả và bán chăn thả, chỉ có 1,67% nuôi nhốt. Chuồng nuôi gà chủ yếu được làm đơn giản bằng các vật liệu sẵn có như gỗ, tre, nứa (65,99%), còn lại 29,59% hộ chăn nuôi không làm chuồng nuôi gà. Theo Moula et al. (2011), hầu hết các giống gà địa phương đều được chăn thả tự do vào ban ngày và được nhốt trong các chuồng thô sơ vào ban đêm. Việc chưa có chuồng trại và chăn nuôi tự do là chủ yếu khiến cho việc quản lý cũng như chăm sóc phòng trừ bệnh cho gà gặp khá nhiều khó khăn. Khi có bệnh dịch thì không thể cách ly đàn gà để chống dịch.

Kết quả khảo sát về thức ăn cho thấy, đối với gà mái đang nuôi con, 100% được cho ăn thêm gạo, ngô xay. Bên cạnh đó, gà mẹ dẫn con đi kiếm mồi để bổ sung thêm thức ăn, chủ yếu là côn trùng, kiến, giun, mối,... Đối với gà trưởng thành, ban ngày được thả tự do trong vườn, đồi, nương rẫy xung quanh nhà; vào buổi tối, trước khi lên chuồng, người dân cho gà ăn thêm các thức ăn có sẵn như ngô, thóc, sắn, gạo... với

lượng thức ăn trung bình 20,34 g/con/ngày, không dùng thức ăn công nghiệp.

Điều đáng chú ý là vào các mùa thu hoạch thóc, ngô (2-3 lần/năm), gà thường kiếm ăn tại các nương ngô, lúa gần nhà. Vào thời điểm thu hoạch cây lương thực, thức ăn sẵn, gà tự kiếm ăn từ rơm rạ hay thân lõi ngô hoặc sên phơi ngô, lúa... nên người dân không phải bổ sung thêm thức ăn nhưng gà vẫn lớn nhanh, hình thức đẹp nên bán được giá.

Với tập quán chăn nuôi và sử dụng thức ăn như vậy đã làm cho chi phí chăn nuôi gà thấp nhưng chất lượng thịt gà cao, được người tiêu dùng ưa chuộng và hiệu quả chăn nuôi cao.

3.2. Đặc điểm ngoại hình của gà nhiều ngón

Nhìn chung, đây là giống gà thuộc loại có khối lượng trung bình, thân hình cân đối, nhanh nhẹn. Đầu nhỏ, tròn, cổ cao, mắt linh hoạt, lông dày. Kết quả cho thấy, gà nhiều ngón có đặc điểm ngoại hình tương tự như gà Ri, con trống chủ yếu có màu nâu đỏ (95%), con mái có màu vàng nâu, vàng sẫm (56%), màu xám (20%). Giống gà có mào đơn là chính (trên 90%), còn lại một số ít có mào hoa hồng và mào khác.

Chân của gà nhiều ngón có màu vàng là chủ yếu, chiếm 95% ở con mái và 97% ở con trống, còn lại là gà có màu chì (đen). Một đặc điểm ngoại hình đặc biệt của giống gà này đó là

Một số đặc điểm ngoại hình, khả năng sản xuất của gà nhiều ngón nuôi tại rừng quốc gia Xuân Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ

có nhiều ngón. Ngón của gà xuất hiện ngay từ khi gà con mới nở và tồn tại trong suốt cuộc đời. Số ngón của gà nhiều ngón cũng được coi như một tính trạng quan trọng nhất để xác định giá trị của con gà. Theo người dân nuôi gà thì gà càng nhiều ngón càng quý và có giá trị thương mại cao.

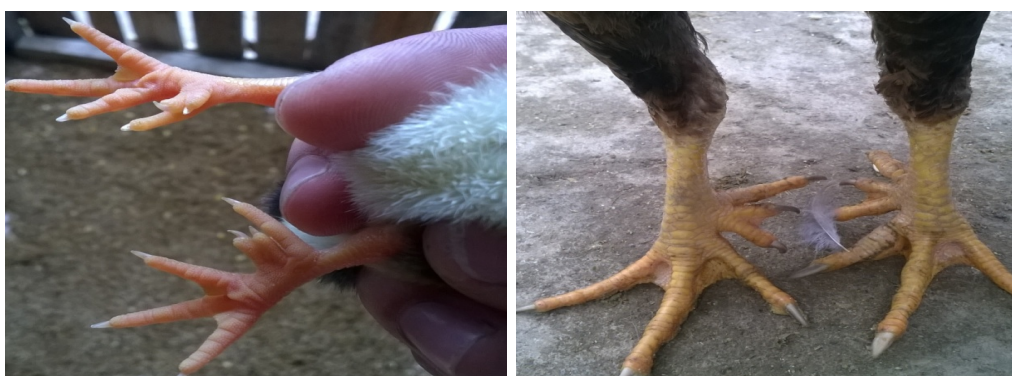
Kết quả khảo sát cho thấy, trong quần thể theo dõi không có con gà trống nào có 5 ngón, chỉ có 1 con có 9 ngón, còn lại 98,8% gà trống có 6-8 ngón; Ở gà mái, có đến 90,16% gà có 5-7 ngón và 9,84% có 8 ngón, không có gà mái nào có 9 ngón. Theo tập quán của người dân bản địa, gà 9 ngón là rất hiếm và được xem như một báu vật.

Bảng 5. Một số đặc điểm ngoại hình của gà nhiều ngón khi trưởng thành (đvt: %, n = 100)

Đặc điểm		Gà nhiều ngón	
		Trống	Mái
Màu lông	Nâu đỏ	95 ± 2,38	0
	Đen	1 ± 0,08	6 ± 0,33
	Vàng nâu, vàng sẫm	3 ± 0,26	56 ± 1,38
	Xám	1 ± 0,06	20 ± 1,12
	Trắng	-	5 ± 0,21
	Loại khác	-	13 ± 0,81
	Tổng	100	100
Kiểu mỏ	Đơn	90 ± 3,38	90 ± 4,11
	Hoa hồng	7,0 ± 0,14	8,5 ± 0,19
	Mỏ khác	3,0 ± 0,09	1,5 ± 0,06
Màu sắc mỏ	Đen tím	0	0
	Đỏ tươi	100	100
Màu chân	Đen	3 ± 0,16	5 ± 0,18
	Vàng	97 ± 5,41	95 ± 4,85

Bảng 6. Số ngón của gà nhiều ngón

Số ngón	Trống (n = 83)	Tỷ lệ (%)	Mái (n = 254)	Tỷ lệ (%)
1-4	0	0	0	0
5	0	0	12 ± 1,28	4,65 ± 0,16
6	21 ± 1,76	25,30 ± 2,05	133 ± 8,76	52,33 ± 5,26
7	10 ± 0,51	12,05 ± 0,78	84 ± 6,25	33,25 ± 2,38
8	51 ± 3,43	61,45 ± 4,96	25 ± 2,97	9,84 ± 0,54
9	1 ± 0,08	1,20 ± 0,05	0	0



Hình 1. Chân gà nhiều ngón

3.3. Khả năng sinh sản và chỉ tiêu ấp nở của gà nhiều ngón

Kết quả nghiên cứu cho thấy, gà nhiều ngón thành thực muộn, khi 196,10 ngày tuổi (28,01 tuần) với khối lượng cơ thể là 1,25 kg. Gà mái đẻ trung bình 6,3 lúa/năm; mỗi lúa 12,06 quả, mỗi năm đẻ 75,98 trứng/mái; khối lượng trứng trung bình 39,70 g.

Theo Đỗ Thị Kim Chi (2011), gà H'mông tại huyện Quán Bạ - Hà Giang có tuổi thành thực là 167,2 ngày, khối lượng khi thành thực là 1,43 kg, số trứng đẻ trên 1 lúa là 16,53 quả, số trứng đẻ trong một năm là 51,67 quả. Nguyễn Văn Sinh và cs. (2006) cho biết tuổi thành thực sinh dục của gà H'mông là 27 tuần, trong khi Nguyễn Duy Hoan và cs. (2001) cho biết tuổi thành thực sinh dục của giống gà này là 28,1 tuần. Như vậy, gà nhiều ngón có tuổi thành thực tương đương gà H'mông.

So sánh với một số giống gà khác, gà Hồ tuổi thành thực về tính là 41,1 tuần với khối lượng là 2,56 kg, số trứng/lúa/mái là 13 quả và

khối lượng trứng 52,53 g. Gà Mía có tuổi thành thực 26,8 tuần, khối lượng thành thực về tính 1,72 kg, số trứng/lúa/mái 13,4 quả, khối lượng trứng 42,16 g (Nguyễn Chí Thành và cs., 2009). Gà Ri có tuổi thành thực 25,6 tuần, khối lượng thành thực về tính 1,3 kg, khối lượng trứng 45,2 g (Eaton et al., 2006). Từ đó ta thấy được gà nhiều ngón có tuổi thành thực muộn hơn các giống gà trên (trừ gà Hồ). Sản lượng trứng/lúa/mái xấp xỉ gà Mía và gà Hồ, nhưng thấp hơn so với gà H'mông.

Trứng gà nhiều ngón có chỉ số hình thái là 0,7-0,8, khối lượng trứng nhỏ, thon, vỏ trứng màu trắng phớt hồng, lòng đỏ đậm màu. Tỷ lệ trứng có phôi tương đối cao 94-95%; tỷ lệ ấp nở chỉ đạt 84-85%. Tỷ lệ trứng nở/trứng có phôi 90-91%; khối lượng gà con mới nở 26-28 g. Nhìn chung, giống gà này có khả năng sinh sản trung bình so với các giống gà bản địa khác, do phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên và bản năng ấp của gà mái nên khả năng phát triển quy mô đàn để chăn nuôi với quy mô lớn là rất khó khăn.

Bảng 7. Một số chỉ tiêu sinh sản của gà nhiều ngón (n = 50)

Chỉ tiêu	ĐVT	$\bar{X} \pm SE$
Khối lượng gà mái khi thành thực	kg	1,25 ± 0,15
Tuổi thành thực	ngày	196,10 ± 25,13
Trứng/lúa/mái	quả	12,05 ± 6,43
Lúa/mái/năm	lúa	6,30 ± 2,08
Trứng/mái/năm	quả	75,91 ± 15,56
Khối lượng trứng	gam	39,70 ± 0,97
Chỉ số hình thái trứng	-	78,01,16 ± 1,05
Màu lòng đỏ	độ Roche	10-11
Khả năng tự nhân đàn gà giống	%	100

Bảng 8. Một số chỉ tiêu ấp nở của gà nhiều ngón

Chỉ tiêu	$\bar{X} \pm SE$	Cv (%)
Tỷ lệ trứng có phôi (%)	80,45 ± 0,55	1,55
Tỷ lệ nở/trứng ấp (%)	73,07 ± 2,95	10,42
Tỷ lệ nở/trứng có phôi (%)	90,75 ± 0,26	8,41
Khối lượng gà con mới nở (gam)	27,98 ± 0,44	6,51

Một số đặc điểm ngoại hình, khả năng sản xuất của gà nhiều ngón nuôi tại rừng quốc gia Xuân Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ

Từ kết quả ở bảng 8 cho thấy, tỷ lệ trứng có phôi ở gà nhiều ngón tương đối cao (80,45%), song tỷ lệ nở so với tổng số trứng ấp còn thấp (73,07%). Sở dĩ tỷ lệ nở của trứng gà nhiều ngón còn thấp là do một số nguyên nhân như sau:

- Thứ nhất là chất lượng con giống chưa cao, số gà già vẫn giữ làm giống tương đối nhiều. Người dân thường giữ gà trống và gà mái từ 3-4 năm tuổi để làm giống vì ngoại hình đẹp và tầm vóc tốt.

- Thứ hai, người dân chăn nuôi gà không có thói quen thu nhặt, bảo quản trứng mà để nguyên tại ổ. Vì vậy, khi gà mái lên xuống ổ đẻ trứng đã làm ướt, bẩn và giảm chất lượng trứng. Thêm vào đó, ổ đẻ của gà cũng ít được quan tâm, có nơi gà tự làm ổ đẻ ngay trên mái nhà, trời mưa làm hỏng cả ổ trứng. Brandsch và Biil (1978) đã chỉ ra rằng sự giảm sức sống ở giai đoạn hậu phôi chịu tác động chủ yếu của môi trường.

- Thứ ba, đàn gà không được đầu tư về thức ăn, lượng thức ăn chủ yếu là do chúng tự kiếm được nên gà dễ thừa, ngừng đẻ giữa kỳ 1-2 ngày, thời gian chờ ấp kéo dài làm một số phôi ở những quả trứng đẻ đầu bị hỏng.

Người dân trên địa bàn tự nhân đàn gà giống và không có kỹ thuật trao đổi con trống cho nhau. Trong điều kiện quy mô đàn rất nhỏ thì cận huyết là điều khó tránh khỏi và rất nguy hại.

3.4. Tốc độ sinh trưởng, năng suất và chất lượng thịt của gà nhiều ngón

Kết quả chăn nuôi gà thịt cho thấy, tỷ lệ nuôi sống của gà ở tuần tuổi thứ nhất là thấp nhất 96,7% và tăng dần theo tuần tuổi, từ sau 9 tuần tuổi thì gà hầu như không chết nữa, đến 16 tuần tuổi, tỷ lệ nuôi sống đạt 88,3%.

Theo Nguyễn Chí Thành và cs. (2009), tỷ lệ nuôi sống đến 8 tuần tuổi ở một số giống gà khác lần lượt là: gà Hồ 90,79%, gà Đông Tảo 92%, gà Mía 76,37%. Gà H'mông nuôi đến 8 tuần tuổi có tỷ lệ sống đạt 78,76% (Đỗ Thị Kim Chi, 2011), gà Ri là 84,5% (Moula et al., 2011).

Qua bảng 9 và hình 2 cho thấy, khối lượng cơ thể của gà nhiều ngón tăng dần theo tuần tuổi. Đến 12 tuần tuổi, khối lượng gà là 1.140,43 g. Theo Đỗ Thị Kim Chi (2011), gà H'mông mới nở nặng 32,74 g/con, 12 tuần tuổi là 1.172,65 g/con.

Bảng 9. Tỷ lệ nuôi sống gà giai đoạn 0-16 tuần tuổi (đvt: %)

Tuần tuổi	Tỷ lệ nuôi sống theo tuần	Tỷ lệ nuôi sống theo giai đoạn
0-1	96,7	96,7
1-2	98,3	95,0
2-3	100,0	95,0
3-4	98,3	93,3
4-5	100,0	93,3
5-6	100,0	93,3
6-7	98,2	91,7
7-8	98,1	90,0
8-9	98,2	90,0
9-10	100,0	88,3
10-11	100,0	88,3
11-12	100,0	88,3
12-13	100,0	88,3
13-14	100,0	88,3
14-15	100,0	88,3
15-16	100,0	88,3

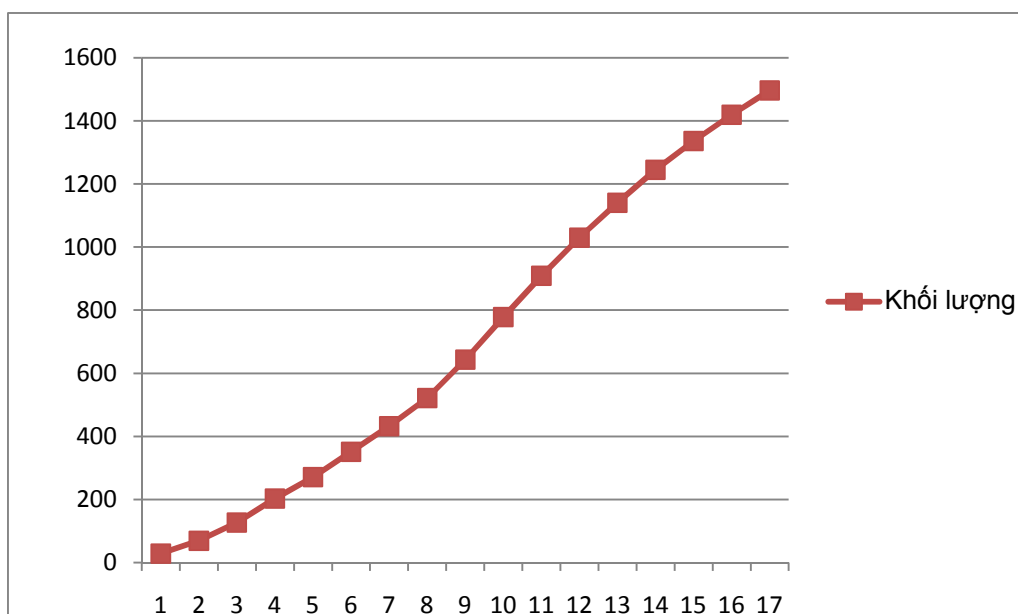
Gà Ri có khối lượng con trống và con mái ở 12 tuần tuổi lần lượt tương ứng là 1.140,7 g/con và 968,5 g/con (Nguyễn Huy Đạt và cs., 2005). Như vậy, gà nhiều ngón có khối lượng cơ thể ở 12

tuần tuổi là tương đương so với hai giống gà Ri và H'mông.

Kết quả khảo sát thân thịt gà nhiều ngón khi 16 tuần tuổi được trình bày trong bảng 11.

Bảng 10. Khối lượng gà nhiều ngón qua các tuần tuổi (đvt: g, n = 60)

Tuần tuổi	$\bar{X} \pm SE$	Cv (%)
1 ngày tuổi	27,98 ± 0,25	6,51
1	68,45 ± 0,83	8,56
2	126,32 ± 2,10	11,76
3	202,45 ± 2,02	7,06
4	270,6 ± 4,04	10,56
5	351,18 ± 7,16	14,39
6	432,33 ± 8,92	14,59
7	521,14 ± 5,14	6,98
8	643,23 ± 8,52	9,37
9	778,43 ± 12,02	10,92
10	909,04 ± 15,63	12,16
11	1.029,52 ± 20,74	14,25
12	1.140,43 ± 23,53	14,59
13	1.245,19 ± 25,38	13,01
14	1.336,26 ± 23,35	11,12
15	1.419,47 ± 25,96	13,56
16	1.496,86 ± 30,43	14,76



Hình 2. Đồ thị biểu diễn tốc độ sinh trưởng tích lũy của gà

Một số đặc điểm ngoại hình, khả năng sản xuất của gà nhiều ngón nuôi tại rừng quốc gia Xuân Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ

Bảng 11. Các chỉ tiêu khảo sát thân thịt gà nhiều ngón 16 tuần tuổi (Trống n = 3, Mái n = 3)

Chỉ tiêu	Trống $\bar{X} \pm SE$	Mái $\bar{X} \pm SE$	Chung trống mái
Khối lượng sống (g)	1.840 ± 50,3	1.046,7 ± 63,6	1.443,35 ± 56,95
Khối lượng thân thịt (g)	1.294 ± 11,9	703,3 ± 17,3	998,65 ± 15,26
Tỉ lệ thân thịt (%)	70,32 ± 2,33	67,19 ± 1,46	68,75 ± 1,87
Khối lượng thịt đùi (g)	234,66 ± 2,68	126,4 ± 1,37	180,53 ± 2,02
Tỉ lệ thịt đùi (%)	18,13 ± 0,72	17,97 ± 2,11	18,05 ± 1,42
Khối lượng thịt ngực (g)	222,94 ± 2,74	119,73 ± 1,96	171,33 ± 1,35
Tỉ lệ thịt ngực (%)	17,22 ± 1,11	17,02 ± 0,81	17,12 ± 0,96
Khối lượng thịt đùi + ngực (g)	457,59 ± 2,37	246,13 ± 1,86	351,86 ± 2,08
Tỉ lệ thịt đùi + ngực (%)	35,36 ± 3,74	34,94 ± 4,31	35,17 ± 3,67



Hình 3. Một số hình ảnh khảo sát thân thịt gà

Bảng 12. Giá bán một số loại gà trên địa bàn trong 3 năm 2011 đến 2014 (nghìn đồng/kg)

Loại gà	Giá bán
Gà siêu thịt công nghiệp	40-45
Gà lông màu thả vườn lai	65-70
Gà Ri	100-120
Gà 5-6 ngón	250-270
Gà 7-8 ngón	300-320

Khác với gà công nghiệp, tỷ lệ thân thịt của gà nhiều ngón thấp, chỉ 68,75%, thịt lườn chỉ 17,12%, thịt đùi cao hơn thịt ngực, 18,05% do gà

vận động nhiều, điều đó cũng phù hợp với thị hiếu của người dân bản địa: thích ăn thịt đùi hơn thịt lườn.

Bảng 13. Ước tính hiệu quả chăn nuôi gà nhiều ngón thương phẩm

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả
Khối lượng xuất bán	g/con	1140,43
Tỷ lệ nuôi sống	%	83,33
Số gà xuất bán	con	53
Số thịt hơi xuất bán	kg	60,44
Giá bán gà thịt	đồng/kg	270.000
Tổng thu	đồng	16.318.000
Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng	Kg	3,57
Giá thức ăn	đồng/kg	10.620
Giá gà giống	đồng/con	150.000
Chi khác	đồng	1.170.000
Tổng chi	đồng	12.461.000
Chênh lệch thu chi	đồng	3.857.000
Chênh lệch thu chi/đầu gà	đồng	64.283

Gà nhiều ngón là các giống gà đặc sản của Việt Nam, có chất lượng cao, dễ bán, giá rất cao, thông thường gấp 2-3 lần gà địa phương khác. Với gà nhiều ngón, số ngón càng cao thì giá càng cao: gà có 5-6 ngón, giá 250-270 nghìn đồng; gà có 7-8 ngón có giá 300-320 nghìn đồng/kg (Vũ Đình Tôn và cs., 2012). Riêng gà 9 ngón thì người dân cho là rất quý, ăn thịt gà này sẽ rất may mắn nên không bán. Do có giá bán cao, dễ bán nên trong thời gian gần đây nhiều nông hộ đã đẩy mạnh phát triển giống gà này. Đàn gà tuy không lớn nhưng có ý nghĩa quan trọng trong sinh kế của người dân bản địa: cung cấp thịt và trứng, cung cấp kinh phí cho gia đình để trang trải học phí cho con, viện phí...

Điều đáng chú ý là người dân chủ yếu bán gà cho các thương lái, họ vẫn đi lại thường xuyên trong các bản làng để thu mua nông sản bản địa, trong đó có gà địa phương mang về vùng đồng bằng để tiêu thụ với giá rất cao.

4. KẾT LUẬN

Gà nhiều ngón hiện nay chỉ chiếm 16% trên tổng số đàn gà tại địa phương và được nuôi chủ yếu theo phương thức chăn thả. Thức ăn chính được sử dụng để chăn nuôi gà là ngô, sắn, thóc.

Gà nhiều ngón thuộc loại có khối lượng trung bình, thân hình cân đối, nhanh nhẹn. Đầu

nhỏ, tròn, cổ cao, mắt linh hoạt, lông dày và có đặc điểm ngoại hình tương tự như gà Ri: con trống chủ yếu có màu nâu đỏ (95%), con mái chủ yếu màu vàng nâu và vàng sẫm; mào gà chủ yếu là mào đơn (trên 90%). Trong đàn gà nhiều ngón, có 98,8% gà trống có 6-8 ngón; 90,16% gà mái có 5-7 ngón và 9,84% có 8 ngón. Không phát hiện thấy gà mái nào có 9 ngón.

Trên địa bàn điều tra, hầu hết nông hộ nuôi gà với quy mô nhỏ, chỉ 11-25 con (chiếm tỷ lệ 52-67%). Người dân trong địa bàn nuôi gà sinh sản quá già: 41,58% gà 2-3 tuổi, thậm chí còn 5-6% nông hộ nuôi gà trên 4 năm tuổi làm cho năng suất chăn nuôi thấp. Có 100% nông hộ trên địa bàn tự nhân đàn gà giống, trong điều kiện quy mô đàn rất nhỏ thì cận huyết là điều khó tránh khỏi và rất nguy hại.

Về khả năng sinh sản, gà mái thành thực khi 28 tuần tuổi, khối lượng cơ thể 1,25 kg/con, sản lượng 76 trứng/mái/năm; khối lượng trứng 40 g/quả. Tỷ lệ trứng có phôi tương đối cao 94-95%, tỷ lệ nở/trứng ấp 84-85%; tỷ lệ nở/trứng có phôi 90-91%;

Gà thịt có tỷ lệ nuôi sống đến 12 tuần tuổi đạt 90,2%, khối lượng 1,1 kg. Tỷ lệ thân thịt của gà khi 16 tuần tuổi thấp, chỉ 68,75% trong đó thịt đùi 18,05%; thịt ngực 17,12%. Gà nhiều ngón là giống gà đặc sản của Việt Nam, có chất lượng

Một số đặc điểm ngoại hình, khả năng sản xuất của gà nhiều ngón nuôi tại rừng quốc gia Xuân Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ

cao, dễ bán, giá rất cao, thông thường gấp 2-3 lần gà địa phương khác. Đặc biệt, gà càng nhiều ngón thì giá càng cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Brandsch H. and Biil. (1978). Cơ sở của nhân giống và di truyền ở gia cầm (Nguyễn Chí Bảo dịch). Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, tr. 129-158.
- Burgos, S., Hinrichs, J., Otte, J., Pfeiffer, D. & Roland Holst, D. (2008). Poultry, HPAI and Livelihoods in Viet Nam - A Review. Mekong Team Working Paper No. 2. http://www.dfid.gov.uk/r4d/PDF/Outputs/HPAI/wp02_2008.pdf.
- Đỗ Thị Kim Chi (2011). Đặc điểm sinh học và khả năng sản xuất của giống gà H' mông nuôi tại huyện Quảng Ba - Hà Giang, Luận văn thạc sỹ Nông nghiệp, Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
- Nguyễn Huy Đạt, Vũ Thị Hưng, Hồ Xuân Tùng, Nguyễn Thành Đông (2005). Nghiên cứu chọn lọc nâng cao năng suất giống gà Ri vàng rom. Tóm tắt báo cáo khoa học năm 2004, Viện Chăn nuôi.
- Eaton, D., Windig, J., Hiemstra, S. J., Van Veller, M., Trach, N. X., Hao, P. X., Doan, B. H. & Hu, R. (2006). Indicators for livestock and crop biodiversity. Report 2006/05. Center for Genetic Resources Netherlands/DLO Foundation, Wageningen.
- Nguyễn Duy Hoan và cộng sự (2001). Sức sống, sinh trưởng và khả năng cho thịt của giống gà Mèo, Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn số 2 năm 2011.
- Bùi Đức Lũng, Trần Long (1994). Nuôi giữ nguồn gen quý gà Hồ, gà Đông Tảo và gà Mía, Kết quả bảo tồn nguồn gen vật nuôi ở Việt Nam, Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- Maltsoglou, I. & Rapsomanikis, G. (2005). *The contribution of livestock to household income in Viet Nam: A household typology based analysis*. Working paper, Pro-Poor Livestock Policy Initiative (PPLPI) 21, Food and Agriculture Organisation. http://www.fao.org/Ag/agaInfo/programmes/en/pplpi/docarc/execsumm_wp21.pdf.
- Moula, M., Luc, D. D., Dang, P. K., Farnir, F., Ton, V. D., Binh, D. V., Leroy, P., Antoine-Moussiaux, N. (2011). The Ri chicken breed and livelihoods in North Viet Nam: characterisation and prospects. *Journal of Agriculture and Rural Development in the Tropics and Subtropics*, 112(1): 57-69.
- Nguyễn Văn Sinh (2006). Nghiên cứu đặc điểm sinh học, khả năng sản xuất của gà Mèo nuôi tại 3 tỉnh vùng cao núi đá của tỉnh Hà Giang, Luận văn thạc sỹ nông nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.
- Su, V. V., Thien, N. V., Nhiem, D. T., Ly, V. L., Hai, N. V. & Tieu, H. V. (2004). *Atlas of Farm Animal Breeds in Viet Nam*. Agricultural Publisher, Hanoi, Viet Nam.
- Nguyễn Chí Thành, Lê Thị Thúy, Đặng Vũ Bình, Trần Thị Kim Anh (2009). Đặc điểm sinh học, khả năng sản xuất của 3 giống gà địa phương: gà Hồ, gà Đông Tảo và gà Mía, Tạp chí Khoa học kỹ thuật Chăn nuôi, 4: 2-10.
- Tổng cục Thống kê (2013). Niên giám thống kê, Nhà xuất bản Thống kê.
- Vũ Đình Tôn, Phan Đăng Thắng, Đỗ Đức Lực, Nguyễn Tuấn Sơn, Philippe Lebailly (2012). Mô hình phân tích nhu cầu tiêu dùng tại Hà Nội. Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, 2: 59-68.
- WPSA working group N^o5 (1984). Method of dissection of broiler carcasses and description of parts. Fris Jensen J, ed. World Poultry Science Association, Frederiksberg C-Denmark. 33pp.